CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI

Báo cáo tài chính
cho 06 tháng đầu năm 2012 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
đã được soát xét

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. HCM Tel: (84.8) 38205944 - 38205947 Fax: (84.8) 38205942
E-mail: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI

Báo cáo tài chính
cho 06 tháng đầu năm 2012 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
đã được soát xét

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3 - 4
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN	5 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán	6 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 11
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc **Công Ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Út Xi** (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho 06 tháng đầu năm 2012 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012.

Công ty

Công Ty Cổ phần Chế Biến Thủy Sản Út Xi được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5903000042 cấp lần đầu ngày 15/06/2006 và thay đổi lần thứ mười ba ngày 10/03/2011 số 2200203836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 295.000.000.000 VND.

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2011 là 295.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng.

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

Tên	Địa chỉ:
- Xí nghiệp nuôi trồng thủy sản Út Xi	Tỉnh lộ 8, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
- Xí nghiệp chế biến thủy sản Hoàng Phương	Tỉnh lộ 8, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
- Xí nghiệp kho vận Hoàng Nhã	Tỉnh lộ 8, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
- Xí nghiệp chế biến thủy sản Hoàng Phong	Tỉnh lộ 8, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
- Văn phòng đại diện	Số R2 - 48 Đại lộ Bùi Bằng Đoàn, khu Hưng Gia 4 Phú Mỹ Hưng, Q7, TP. HCM

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho 06 tháng đầu năm 2012 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 1.485.621.369 VND (Lợi nhuận sau thuế cho 06 tháng đầu năm 2011 là 1.512.947.594 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2012 là 10.860.315.971 VND (Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 01 tháng 01 năm 2012 là 9.374.694.602 VND).

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông :	Nguyễn Triệu Dõng	Chủ tịch
Ông :	Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên
Ông :	Trương Văn Phước	Thành viên
Ông :	Nguyễn Hoàng Phương	Thành viên
Bà :	Mai Thị Hồng Nga	Thành viên
Bà :	Lý Bích Quyên	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông :	Nguyễn Tuấn Anh	Tổng Giám đốc
Ông :	Trương Văn Phước	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Nguyễn Hoàng Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà :	Lý Bích Quyên	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát

Ông :	Trần Văn Bửu	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông :	Lê Thanh Sơn	Thành viên BKS
Ông :	Lê Phước Sang	Thành viên BKS

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho 06 tháng đầu năm 2012 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị **Công Ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Út Xi** phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/6/2012 của Công ty.

Sóc Trăng, ngày 19 tháng 07 năm 2012
Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nguyễn Triệu Dõng

Sóc Trăng, ngày 19 tháng 07 năm 2012
TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI

Nguyễn Tuấn Anh

AASCs CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

29 Võ Thị Sáu, Quận 1 Thành Phố Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 3.8205 944 - (08) 3.8205 947 Fax: (08) 3.8205 942
Email: info@aascs.com.vn Website:www.aascs.com.vn

Số : 514./2012/BCKT/TC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo Tài chính cho 06 tháng đầu năm 2012 kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 của Công Ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Út Xi

Kính gửi:

- **Cổ đông Công Ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Út Xi**
- **Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Út Xi**
- **Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Út Xi**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng của **Công Ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Út Xi** được lập ngày 19/7/2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 30/6/2012 được trình bày từ trang 6 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc soát xét để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính, công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán.Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng đầu năm 2012 kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của **Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Út Xi** tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng đầu năm 2012 kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2012

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM

Lê Văn Tuấn
Chứng chỉ KTV số: 0479/KTV

Kiểm toán viên

Đỗ Khắc Thanh
Chứng chỉ KTV số: Đ0064/KTV

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ JHI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
TÀI SẢN				
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	**100**		**1.208.817.811.346**	**1.327.832.262.365**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**1**	**10.922.989.900**	**13.533.944.424**
1. Tiền	111		10.922.989.900	13.533.944.424
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**2**	**63.506.928.559**	**135.566.929.392**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		63.506.928.559	135.927.469.392
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			(360.540.000)
III. Các khoản phải thu	**130**		**401.047.735.471**	**380.167.021.558**
1. Phải thu khách hàng	131		316.003.345.277	334.650.989.904
2. Trả trước cho người bán	132		79.625.826.217	40.158.729.529
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	3	11.827.217.175	11.765.955.323
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(6.408.653.198)	(6.408.653.198)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**4**	**709.002.512.422**	**790.595.718.989**
1. Hàng tồn kho	141		709.002.512.422	790.595.718.989
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**24.337.644.994**	**7.968.648.002**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		19.174.987.033	7.325.358.898
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	5	4.826.869.443	141.387.052
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		335.788.518	501.902.052
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 +240 +250 +260)	**200**		**373.122.181.245**	**383.894.263.940**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
TÀI SẢN				
II. Tài sản cố định	**220**		**325.014.733.297**	**334.309.279.825**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	266.279.197.439	225.500.706.880
- Nguyên giá	222		369.742.982.717	317.853.371.462
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223		(103.463.785.278)	(92.352.664.582)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	7	47.374.726.498	47.390.247.478
- Nguyên giá	228		47.600.223.513	47.600.223.513
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	229		(225.497.015)	(209.976.035)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	11.360.809.360	61.418.325.467
III. Bất động sản đầu tư	**240**			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**45.000.000.000**	**45.000.000.000**
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	9	45.000.000.000	45.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**3.107.447.948**	**4.584.984.115**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	3.107.447.948	4.584.984.115
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**1.581.939.992.591**	**1.711.726.526.305**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
NGUỒN VỐN				
A . NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**1.226.230.122.848**	**1.357.203.008.586**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**1.191.305.903.005**	**1.308.411.910.252**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	1.140.161.629.754	1.259.232.191.735
2. Phải trả người bán	312		37.739.609.355	34.071.536.960
3. Người mua trả tiền trước	313		915.065.683	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	267.259.920	862.413.311
5. Phải trả công nhân viên	315		5.194.689.364	4.783.120.999
6. Chi phí phải trả	316	13	1.907.393.350	1.116.376.567
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	2.321.722.465	1.452.296.566
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành	323	17.5	2.798.533.114	6.893.974.114
II. Nợ dài hạn	**330**		**34.924.219.843**	**48.791.098.334**
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	15	34.394.031.574	48.260.910.065
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	16	530.188.269	530.188.269
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 +430)	**400**	**17**	**355.709.869.743**	**354.523.517.719**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**355.709.869.743**	**354.523.517.719**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		295.000.000.000	295.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		44.733.727.273	44.733.727.273
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(299.269.345)	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		734.574.319	734.574.319
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.680.521.525	4.680.521.525
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		10.860.315.971	9.374.694.602
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	**430**			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**1.581.939.992.592**	**1.711.726.526.305**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		320.264,29	500.265,31
- EUR		246,56	252,02
- CAD		192,20	253,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Sóc Trăng, ngày 19 tháng 07 năm 2012

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Võ Quốc Bình	Đỗ Thành Nhơn	Nguyễn Tuấn Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

06 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2012	06 tháng đầu năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	**713.474.976.604**	**493.410.451.178**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		17.249.713.089	4.246.227.007
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		**696.225.263.515**	**494.164.224.171**
4. Giá vốn hàng bán	19	606.166.410.042	420.540.140.760
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		**90.058.853.473**	**73.624.083.411**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	14.760.664.221	15.028.994.932
7. Chi phí tài chính	20	68.832.937.233	61.194.244.543
+ Trong đó: chi phí lãi vay		*67.471.009.753*	*52.052.776.401*
8. Chi phí bán hàng		28.451.202.762	21.127.144.915
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		5.153.975.372	4.642.764.772
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		**2.381.402.327**	**1.688.924.113**
11. Thu nhập khác	18.3	1.164.985.454	51.200.000
12. Chi phí khác	21	1.872.364.037	59.071.231
13. Lợi nhuận khác		**(707.378.583)**	**(7.871.231)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		**1.674.023.744**	**1.681.052.882**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22	**188.402.375**	**168.105.288**
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		**1.485.621.369**	**1.512.947.594**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	**50**	**51**

Sóc Trăng, ngày 19 tháng 07 năm 2012

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Võ Quốc Bình	Đỗ Thành Nhơn	Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

06 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	06 tháng đầu năm 2012	06 tháng đầu năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	717.958.497.391	1.416.508.132.897
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(628.970.870.817)	(1.669.653.864.086)
3. Tiền chi trả cho người lao động	(35.182.411.322)	(65.680.047.963)
4. Tiền chi trả lãi vay	(65.595.480.627)	(109.875.437.899)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(338.987.099)	(1.600.433.375)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	109.824.701.891	445.337.672.970
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(72.079.548.201)	(254.270.916.428)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***25.615.901.216***	***(239.234.893.884)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(3.454.257.623)	(4.337.658.595)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(5.000.000.000)	(65.100.465.666)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	74.215.931.460	69.217.611.023
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	117.725.923	7.700.192.533
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***65.879.399.760***	***7.479.679.295***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	1.837.324.944.399	4.079.188.016.297
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.931.412.524.859)	(3.814.391.486.990)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(28.901.173.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***(94.087.580.460)***	***235.895.356.307***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**(2.592.279.484)**	**4.140.141.718**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**13.533.944.424**	**9.393.802.706**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(18.675.040)	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**10.922.989.900**	**13.533.944.424**

Sóc Trăng, ngày 19 tháng 07 năm 2012

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Võ Quốc Bình	Đỗ Thành Nhơn	Nguyễn Tuấn Anh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2012

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ phần Chế Biến Thủy Sản Út Xi được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5903000042 cấp lần đầu ngày 15/06/2006 và thay đổi lần thứ mười ba ngày 10/03/2011 số 2200203836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 295.000.000.000 VND.

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2011 là 295.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Xây dựng nhà các loại;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Sản xuất giống thủy sản;
- Bán buôn thủy sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Bán buôn rau, quả;
- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

II Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

2.1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2012

3. Các chính sách kế toán áp dụng

3.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tê phát sinh băng ngoại tệ được quy đôi ra đông Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tê tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

3.2.Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tôn kho được tính theo giá gôc. Trường hợp giá trị thuần có thê thực hiện được thâp hơn giá gôc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

3.3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 30 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 10 năm
- Tài sản vô hình và các tài sản khác	05 - 25 năm

3.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2012

3.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần luỹ kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt đông kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn

3.6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

3.7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

3.8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2012

3.9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

3.10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

3.11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2012

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

3.13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2012

III. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2012	*01/01/2012*
Tiền mặt	**3.495.400.922**	**2.178.476.288**
Tiền gửi ngân hàng	**7.427.588.978**	**11.355.468.136**
Tiền gửi VND	*746.684.986*	*914.320.020*
Tiền gửi ngoại tệ	*6.680.903.992*	*10.441.148.116*
Các khoản tương đương tiền		
Tổng cộng	**10.922.989.900**	**13.533.944.424**

- Tiền mặt tồn quỹ khớp với biên bản kiểm kê thực tế.
- Tiền gửi Ngân hàng tại 30/6/2012 phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng.

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2012		*01/01/2012*	
	Số lượng	***Giá trị***	***Số lượng***	***Giá trị***
2.1 Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		***9.000.000.000***		***13.612.500.000***
+ CK ngắn hạn là tương đương tiền				
- Trái phiếu		9.000.000.000		9.000.000.000
+ Trái phiếu NH NN&PT NN VN-CN Sóc Trăng		*7.000.000.000*		*7.000.000.000*
+ Trái phiếu Tổng CTy Tài Chính Dầu Khí VN		*2.000.000.000*		*2.000.000.000*
- Cổ phiếu				4.612.500.000
+ Công Ty CP Thực Phẩm Sao Ta			*429.490*	*4.612.500.000*
2.2 Đầu tư ngắn hạn khác		***54.506.928.559***		***122.314.969.392***
2.2.1. Đầu tư ngắn hạn khác (trại tôm)		49.806.928.559		52.314.969.392
+ Công ty TNHH Thanh Bình		*10.789.763.223*		*10.789.763.223*
+ Huỳnh Thị Mai		*1.000.000.000*		*3.508.040.833*
+ Lê Hoàng Nam		*3.610.655.632*		*3.610.655.632*
+ DNTN Phương Hà		*4.153.331.767*		*4.153.331.767*
+ Trần Đức Hợi		*50.737.951*		*50.737.951*
+ Trần Văn Chiếu		*227.564.792*		*227.564.792*
+ DNTN Vĩnh Thịnh		*4.422.878.688*		*4.422.878.688*
+ Nguyễn Minh Điền		*292.928.750*		*292.928.750*
+ Nguyễn Văn Xem		*5.158.054.905*		*5.158.054.905*
+ Nguyễn Văn Hải		*5.255.375.000*		*5.255.375.000*
+ Lâm Hoàng Khiêm		*4.622.325.000*		*4.622.325.000*
+ Lê Tuấn Kiệt		*4.510.267.500*		*4.510.267.500*
+ Võ Văn Sáng		*4.727.800.000*		*4.727.800.000*
+ Lê Hoàng Lâm		*318.591.147*		*318.591.147*
+ Nguyễn Văn Lực		*366.166.504*		*366.166.504*
+ Công ty TNHH Vĩnh Phú		*300.487.700*		*300.487.700*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2012

2.2.2. Đầu tư ngắn hạn khác (cho vay)	4.700.000.000	70.000.000.000
+ Công Ty TNHH Minh Châu	*4.700.000.000*	*5.000.000.000*
+ CTy CP ĐT & PT Đô Thị Dầu Khí Cửu Long		*65.000.000.000*
2.3 Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn (*)		***(360.540.000)***
Tổng cộng	**63.506.928.559**	**135.566.929.392**

Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị công ty số 179/BBHĐQT.011ngày 02/05/2012, Công ty sẽ tiến hành chào bán các loại trái phiếu đang sở hữu nhằm mục đích tái cơ cấu nguồn vốn Công ty. Do đó, các khoản đầu tư này được phân loại ở ở chỉ tiêu đầu tư tài chính ngắn hạn

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	*01/01/2012*
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		
- Phải thu khác	11.827.217.175	11.765.955.323
+ Công Ty TNHH Minh Châu	*1.509.760.001*	*1.071.060.001*
+ Công ty CP ĐT và PT Đô Thị Dầu Khí Cửu Long		*6.645.333.334*
+ Ông Nguyễn Văn Lực	*850.000.000*	
+ Bà Huỳnh Thị Mai	*3.532.574.166*	
+ Công Ty TNHH Thanh Bình	*976.473.572*	
+ Các đối tượng khác	*4.958.409.436*	*4.049.561.988*
Tổng cộng	**11.827.217.175**	**11.765.955.323**

4. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2012	*01/01/2012*
- Nguyên liệu, vật liệu	1.993.370.079	4.013.242.634
- Công cụ, dụng cụ	4.639.235.547	7.245.290.201
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.280.838.200	4.207.210.506
- Thành phẩm	698.089.068.596	775.129.975.648
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	**709.002.512.422**	**790.595.718.989**

5. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2012	*01/01/2012*
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa		
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước:	4.826.869.443	141.387.052
+ Thuế GTGT hàng nhập khẩu	*31.220.600*	*31.220.600*
+ Thuế xuất, nhập khẩu	*4.583.321.304*	*110.166.452*
+ Thuế thu nhập cá nhân	212.327.539	
Tổng cộng	**4.826.869.443**	**141.387.052**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2012

6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu năm	**154.906.067.522**	**141.017.485.513**	**13.205.276.706**	**2.826.013.999**	**5.898.527.722**	**317.853.371.462**
2. Số tăng trong năm	**26.113.744.493**	**23.444.284.349**	**5.421.350.254**			**54.979.379.096**
- Mua trong năm		23.444.284.349	5.421.350.254			28.865.634.603
- Đầu tư XDCN hoàn thành	26.113.744.493					26.113.744.493
- Tăng khác						
3. Số giảm trong năm		**3.089.767.841**				**3.089.767.841**
- Thanh lý, nhượng bán		3.089.767.841				3.089.767.841
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	**181.019.812.015**	**161.372.002.021**	**18.626.626.960**	**2.826.013.999**	**5.898.527.722**	**369.742.982.717**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế						
1. Số dư đầu năm	**35.850.420.696**	**44.779.457.962**	**7.320.462.007**	**1.985.434.541**	**2.416.889.376**	**92.352.664.582**
2. Khấu hao trong năm	**4.902.342.037**	**6.011.244.521**	**1.028.252.259**	**127.245.759**	**270.576.324**	**12.339.660.900**
- Khấu hao tăng trong năm	4.902.342.037	6.011.244.521	1.028.252.259	127.245.759	270.576.324	12.339.660.900
- Tăng khác						
3. Giảm trong năm		**1.228.540.204**				**1.228.540.204**
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác		1.228.540.204				**1.228.540.204**
4. Số dư cuối năm	**40.752.762.733**	**49.562.162.279**	**8.348.714.266**	**2.112.680.300**	**2.687.465.700**	**103.463.785.278**
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
1. Tại ngày đầu năm	**119.055.646.826**	**96.238.027.551**	**5.884.814.699**	**840.579.458**	**3.481.638.346**	**225.500.706.880**
2. Tại ngày cuối năm	**140.267.049.282**	**111.809.839.742**	**10.277.912.694**	**713.333.699**	**3.211.062.022**	**266.279.197.439**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2012

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình						
1. Số dư đầu năm	**47.295.045.861**	**144.358.452**		**160.819.200**		**47.600.223.513**
2. Số tăng trong năm						
- Mua trong năm						
- Tăng khác						
3. Số giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	**47.295.045.861**	**144.358.452**		**160.819.200**		**47.600.223.513**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế						
1. Số dư đầu năm		**88.369.692**		**121.606.343**		**209.976.035**
2. Khấu hao trong năm		**6.998.595**		**8.522.385**		**15.520.980**
- Khấu hao tăng trong năm		**6.998.595**		8.522.385		15.520.980
- Tăng khác						
3. Giảm trong năm						
- Thanh lý nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm		**95.368.287**		**130.128.728**		**225.497.015**
III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH						
1. Tại ngày đầu năm	**47.295.045.861**	**55.988.760**		**39.212.857**		**47.390.247.478**
2. Tại ngày cuối năm	**47.295.045.861**	**48.990.165**		**30.690.472**		**47.374.726.498**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	30/06/2012	*01/01/2012*
- Chi phí XDCB dở dang	10.708.084.386	60.765.600.493
+ Xí Nghiệp Hoàng Phương		*49.793.782.583*
+ Xí Nghiệp Hoàng Nhã		*1.464.996.000*
+ Xí Nghiệp Nuôi Trồng	*21.171.033*	*21.171.033*
+ Văn phòng công ty	*9.283.605.697*	*9.270.059.604*
+ Phân xưởng thu mua	*1.403.307.656*	*215.591.273*
- Mua sắm tài sản cố định	652.724.974	652.724.974
- Sửa chữa lớn tài sản cố định		
Tổng cộng	**11.360.809.360**	**61.418.325.467**

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2012		*01/01/2012*	
	Số lượng	*Trị giá*	*Số lượng*	*Trị giá*
Cty CP ĐT & PT Đô Thị Dầu Khí Cửu Long *(tỷ lệ góp vốn 18,45%)*	4.612.500	45.000.000.000	4.612.500	45.000.000.000
Tổng cộng		**45.000.000.000**		**45.000.000.000**

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2012	*01/01/2012*
- Chi phí CCDC xuất dùng có giá trị lớn	2.431.492.215	3.990.122.929
- Chi phí khác	675.955.733	594.861.186
Tổng cộng	**3.107.447.948**	**4.584.984.115**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2012	*01/01/2012*
11.1. Vay ngắn hạn	**1.130.161.629.754**	**1.259.232.191.735**
- Vay ngân hàng VND	*593.934.513.005*	*807.250.388.497*
Ngân Hàng Đầu Tư & Phát Triển tỉnh Sóc Trăng	44.950.000.000	37.126.968.740
Ngân Hàng NN & PT Nông Thôn	142.500.000.000	252.900.000.000
Ngân Hàng Ngoại Thương Sóc Trăng	84.250.000.000	61.600.000.000
CN Ngân Hàng Phát Triển tỉnh Sóc Trăng	137.000.000.000	190.900.000.000
Tổng Công Ty Tài Chính Dầu Khí Việt Nam	110.000.000.000	150.000.000.000
Ngân Hàng TMCP Phương Tây - SGD Cần Thơ	3.384.513.005	3.384.817.565
Ngân Hàng Phát Triển Nhà ĐBSCL - CN Sóc Trăng	54.850.000.000	42.500.000.000
Ngân Hàng An Bình - Chi nhánh Sóc Trăng	17.000.000.000	20.000.000.000
Ngân Hàng Công Thương - CN Sóc Trăng		48.838.602.192
- Vay ngân hàng bằng ngoại tệ (USD và HKD)	*536.227.116.749*	*451.981.803.238*
Ngân Hàng HSBC (HKD)		37.628.860.170
Ngân Hàng HSBC (USD)	43.695.790.180	69.886.654.435
Ngân Hàng Đầu Tư & Phát Triển tỉnh Sóc Trăng	54.297.346.320	71.292.077.888
Ngân Hàng NN & PT Nông Thôn	278.389.380.736	124.359.218.388
Ngân Hàng Ngoại Thương Sóc Trăng	143.074.747.861	133.067.274.805
Ngân Hàng Phát Triển Nhà ĐBSCL - CN Sóc Trăng	1.769.859.300	11.498.805.552
Ngân Hàng Công Thương - Chi nhánh Sóc Trăng		4.248.912.000
Tổng Công Ty Tài Chính Dầu Khí Việt Nam	14.999.992.352	
11.2. Nợ dài hạn đến hạn trả	**10.000.000.000**	
Tổng cộng	**1.140.161.629.754**	**1.259.232.191.735**

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2012	*01/01/2012*
- Thuế TNDN	250.945.320	401.530.044
- Thuế TNCN		444.568.667
- Thuế tài nguyên	16.314.600	16.314.600
Tổng cộng	**267.259.920**	**862.413.311**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2012	*01/01/2012*
- Trích chi phí lãi vay	1.907.393.350	1.116.376.567
- Trích trước chi phí khác		
Tổng cộng	**1.907.393.350**	**1.116.376.567**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	*01/01/2012*
- Tài sản thừa chờ xử lý		
- BHYT, BHXH, BHTN	830.444.179	9.527.970
- KPCĐ	109.273.836	67.994.146
- Cổ tức phải trả	915.166.450	976.774.450
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	466.838.000	398.000.000
+ Công Ty CP Đầu Tư Phát Triển Sao Sài Gòn	*343.000.000*	*343.000.000*
+ Công Ty TNHH Phú Quý	*55.000.000*	*55.000.000*
+ Công ty Stapimex	68.838.000	
Tổng cộng	**2.321.722.465**	**1.452.296.566**

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2012	*01/01/2012*
15.1. Vay dài hạn	***34.394.031.574***	***48.260.910.065***
- Vay ngân hàng *(Ngân Hàng Ngoại Thương Tỉnh Sóc Trăng)*	34.394.031.574	48.260.910.065
- Vay đối tượng khác		
- Trái phiếu phát hành		
15.2. Nợ dài hạn		
Tổng cộng	**34.394.031.574**	**48.260.910.065**

Khoản vay dài hạn được thực hiện theo hợp đồng số 198/NHTMCPNT ngày 09/6/2011 với mục đích vay vốn là thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ để đầu tư dự án "Cải tạo, nâng cấp Nhà máy Chế biến Thủy sản Hoàng Phương". Hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 19%/năm, bên vay dùng tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình hoặc tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ quy định tại hợp đồng vay này. Nợ gốc được thanh toán 03 tháng/ lần.

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

	30/06/2012	*01/01/2012*
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	530.188.269	530.188.269
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	**530.188.269**	**530.188.269**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Số dư đầu năm nay	**295.000.000.000**	**44.733.727.273**		**734.574.319**	**4.680.521.525**	**9.374.694.602**
- Tăng trong năm						**1.485.621.369**
Trong đó:						
- Tăng do phát hành thêm cổ phiếu						
- Lợi nhuận tăng trong năm nay						1.485.621.369
- Trích từ lợi nhuận năm trước						
- Tăng khác						
- Giảm trong năm						
Trong đó:						
- Trích lập các quỹ theo biên bản họp đại HĐCĐ						
. Quỹ Đầu tư phát triển						
. Quỹ Dự phòng tài chính						
. Quỹ Khen thưởng phúc lợi						
. Nguồn vốn đầu tư XDCB						
- Chi phí phát hành cổ phiếu						
- Chia cổ tức						
- Giảm khác						
- Số dư cuối năm	**295.000.000.000**	**44.733.727.273**		**734.574.319**	**4.680.521.525**	**10.860.315.971**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

17.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Kỳ này	*Năm trước*
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	**295.000.000.000**	**295.000.000.000**
+ Vốn góp đầu năm	295.000.000.000	295.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		
+ Vốn góp giảm trong kỳ		
+ Vốn góp cuối kỳ	295.000.000.000	295.000.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia		29.500.000.000

17.3. Cổ phiếu

	Kỳ này	*Năm trước*
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	29.500.000	29.500.000
+ Cổ phiếu thường	*29.500.000*	*29.500.000*
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng Cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu thường		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.500.000	29.500.000
+ Cổ phiếu thường	*29.500.000*	*29.500.000*
+ Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:10.000 VND/CP

17.4. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/06/2012	*01/01/2012*
- Quỹ đầu tư phát triển	734.574.319	734.574.319
- Quỹ dự phòng tài chính	4.680.521.525	4.680.521.525
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.798.533.114	6.893.974.114

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

18. DOANH THU

	06 tháng đầu năm 2012	*06 tháng đầu năm 2011*
18.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Tổng doanh thu	***713.474.976.604***	***498.410.451.178***
+ Doanh thu bán hàng	712.249.749.882	497.172.399.005
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.225.226.722	1.238.052.173
- Các khoản giảm trừ doanh thu	***17.249.713.089***	***4.246.227.007***
+ Giảm giá hàng bán	238.013.826	
+ Hàng bán bị trả lại	17.011.699.263	4.246.227.007
- Doanh thu thuần	***696.225.263.515***	***494.164.224.171***
+ Doanh thu thuần trao đổi hàng hoá	695.000.036.793	492.926.171.998
+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	1.225.226.722	1.238.052.173
18.2. Doanh thu hoạt động tài chính	**14.760.664.221**	**15.028.994.932**
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức	10.132.125.326	789.170.595
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.016.583.235	13.218.226.003
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	611.955.660	1.021.598.334
18.3. Thu nhập khác	**1.164.985.454**	**51.200.000**
- Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	1.002.521.818	50.000.000
- Thu từ bán phế liệu và thu nhập khác	162.463.636	1.200.000

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2012	*06 tháng đầu năm 2011*
- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã cung cấp	606.166.410.042	420.540.140.760
- Giá vốn cung cấp dịch vụ		
Tổng cộng	**606.166.410.042**	**420.540.140.760**

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2012	*06 tháng đầu năm 2011*
- Chi phí lãi vay	67.471.009.753	52 052.776.401
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.361.927.480	9.141.468.142
Tổng cộng	**68.832.937.233**	**61.194.244.543**

21. CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2012	*06 tháng đầu năm 2011*
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.861.227.637	41.219.231
- Chi phí khác	11.136.400	17.852.000
Tổng cộng	**1.872.364.037**	**59.071.231**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2012	*06 tháng đầu năm 2011*
hành	188.402.375	168.105.288
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		
Tổng cộng	**188.402.375**	**168.105.288**

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	06 tháng đầu năm 2012	*06 tháng đầu năm 2011*
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.485.621.369	1.512.947.594
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	1.485.621.369	1.512.947.594
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (*)	29.500.000	29.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	50	51

24. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS kiểm toán; còn số liệu trên bảng Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của đơn vị.

Sóc Trăng, ngày 19 tháng 07 năm 2012

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Võ Quốc Bình	Đỗ Thành Nhơn	Nguyễn Tuấn Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI